

Số/No.: 01/2026/TB CBTT-ASP

Tp. HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2026

Ho Chi Minh City, January 28, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Name of organization: AN PHA PETROLEUM GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán : **ASP**
Stock Code: ASP
- Địa chỉ : Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh
Address : Room 805, 8th Floor, Saigon Paragon Building, No. 3 Nguyen Luong Bang Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City
- Điện thoại/Tel. : (84.28) 5413 6338 Fax: (84.28) 5413 6340
- E-mail : info@anphapetrol.com

2. Nội dung thông tin công bố/Content of disclosure:

- Báo cáo tài chính riêng quý IV năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu Khí An Pha (*Chi tiết theo file đính kèm*)
Separate Financial Statements for the fourth quarter 2025 of An Pha Petroleum Group Joint Stock Company (File Attached)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/01/2026 tại đường dẫn: <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>

This information was published on the company's website on January 28, 2026, as in the link: <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached Documents:

- Báo cáo tài chính riêng quý IV năm 2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha;
Separate Financial Statements for the fourth quarter 2025 of An Pha Petroleum Group Joint Stock Company.

Đại diện tổ chức

Organization Representative

Người ủy quyền công bố thông tin

Person authorized to disclose information



TRẦN ĐUY LUÂN

CÔNG TY CỔ
PHẦN TẬP ĐOÀN
DẦU KHÍ AN PHA

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
DN: cn=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA, o=VN
e=info@anphapetrol.com
Date: 2026.01.28 19:48:25 +0700

Số: 49/2026 ASP-SGDCK_BCTC

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh Công ty mẹ quý 4/2025

Tp Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Căn cứ báo cáo tài chính Quý 4 và kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong Quý 4 năm 2025 của Công ty cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha, hoạt kinh doanh của Công ty vẫn ổn định, sản lượng bán hàng tăng so với cùng kỳ tuy nhiên lợi nhuận sau thuế lại giảm so với cùng kỳ. Công ty giải trình bổ sung nguyên nhân lợi nhuận sau thuế của Quý 4 năm 2025 giảm so với Quý 4 năm 2024 bởi những nguyên nhân chính sau đây.

Chỉ tiêu	Quý IV		Tăng/ giảm (VNĐ)
	Năm 2025	Năm 2024	
	1	2	3=2-1
1 Lợi nhuận gộp về bán hàng, cung cấp dịch vụ	15.115.511.916	17.738.876.096	(2.623.364.180)
2 Doanh thu hoạt động tài chính	1.400.890.234	2.152.753.356	(751.863.122)
3 Chi phí hoạt động tài chính	(7.737.405.018)	(9.845.677.054)	2.108.272.036
4 Chi phí bán hàng	3.098.183.229	1.340.192.018	1.757.991.211
5 Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.964.602.130	7.058.267.677	(1.093.665.547)
6 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.191.078.059	21.338.846.811	(6.147.768.752)
7 Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.191.078.059	21.338.846.811	(6.147.768.752)

Nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp giảm 2.623.364.180 đồng nguyên nhân chủ yếu là do giá bán hàng giảm và doanh thu bán hàng giảm nên làm lợi nhuận gộp giảm so với cùng kỳ.
- Doanh thu tài chính giảm 751.863.122 đồng nguyên nhân do lãi tiền gửi, tiền cho vay và thu nhập lợi nhuận được chia từ công ty liên kết giảm so với cùng kỳ.
- Chi phí tài chính tăng 2.108.272.036 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí lãi vay tăng và khoản hoàn nhập chi phí dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con giảm so với cùng kỳ.
- Chi phí bán hàng tăng 1.757.991.211 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí thuê kho nhập hàng tăng so với cùng kỳ.
- Chi phí quản lý giảm 1.093.665.547 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí phí dịch vụ mua ngoài, chi phí công tác, hội nghị giảm so với cùng kỳ.

Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận sau thuế của Công ty trong Quý 4 năm 2025 đã giảm 6.147.768.752 đồng so với Quý 4 năm 2024.

Trân trọng.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ✕

SAKAMOTO SHINICHIRO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 tới 31/12/2025.
(QUÝ IV-2025)



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		403.826.037.193	557.817.385.454
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	29.352.857.183	99.418.961.136
1. Tiền	111		29.352.857.183	39.418.961.136
2. Các khoản tương đương tiền	112			60.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	2.200.000.000	200.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.200.000.000	200.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		366.942.356.648	421.951.971.470
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	355.883.040.123	389.815.117.808
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.549.007.268	6.626.932.095
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	2.800.000.000	29.123.500.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	8.305.804.774	2.598.328.835
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(6.595.495.517)	(6.211.907.268)
IV- Hàng tồn kho	140		-	29.259.368.048
1. Hàng tồn kho	141			29.259.368.048
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		5.330.823.362	6.987.084.800
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	873.789.279	945.139.278
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			1.587.435.820
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		4.457.034.083	4.454.509.702
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		861.079.578.894	894.627.891.298
I Các khoản phải thu dài hạn	210		122.675.226.000	122.865.226.001
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		90.000.000.000	90.000.000.000
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	29.787.320.000	23.787.320.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	2.887.906.000	9.077.906.001
II Tài sản cố định	220		11.268.261.081	16.708.936.181
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	5.076.675	16.734.255
- Nguyên giá	222		2.508.895.818	2.508.895.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.503.819.143)	(2.492.161.563)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	11.263.184.406	16.692.201.926
- Nguyên giá	228		27.408.837.578	27.363.837.578
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.145.653.172)	(10.671.635.652)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	664.582.090.601	680.144.947.196
1. Đầu tư vào công ty con	251		615.724.701.227	634.124.701.227
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		136.603.113.905	147.639.930.405
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(87.745.724.531)	(101.619.684.436)
VI Tài sản dài hạn khác	260		62.554.001.212	74.908.781.920
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	62.554.001.212	74.908.781.920
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.264.905.616.087	1.452.445.276.752

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		792.057.420.863	1.013.572.409.619
I- Nợ ngắn hạn	310		784.408.090.863	964.769.999.619
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	437.559.276.956	405.729.143.420
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	189.820.802	833.706.241
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	614.086.453	949.194.075
4. Phải trả người lao động	314		369.889.980	324.680.845
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	61.812.548	977.906.064
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	1.331.957.234	16.245.403.721
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	344.262.372.982	539.691.091.345
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		18.873.908	18.873.908
II- Nợ dài hạn	330		7.649.330.000	48.802.410.000
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.14	7.649.330.000	48.802.410.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		472.848.195.224	438.872.867.133
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	472.848.195.224	438.872.867.133
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	306.228.116
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		97.712.897.008	63.737.568.917
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		63.737.568.917	63.737.568.917
- LNST chưa phân phối kì này	421b		33.975.328.091	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.264.905.616.087	1.452.445.276.752

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Người lập



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Phó Tổng Giám đốc



Sakamoto Shinichiro

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2025 tới 31/12/2025

Mẫu B 02-DN

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	QUÝ 4		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
				NĂM 2025	NĂM 2024	NĂM 2025	NĂM 2024
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp DV	1		537.633.773.637	548.371.329.232	2.515.520.973.334	2.245.249.381.677
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2					
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	5.16	537.633.773.637	548.371.329.232	2.515.520.973.334	2.245.249.381.677
11	Giá vốn hàng bán	11	5.17	522.518.261.721	530.632.453.136	2.437.282.297.743	2.193.053.728.261
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng, cung cấp dịch vụ	20		15.115.511.916	17.738.876.096	78.238.675.591	52.195.653.416
21	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	1.400.890.234	2.152.753.356	20.387.991.677	17.175.494.432
22	Chi phí hoạt động tài chính	22	5.19	(7.737.405.018)	(9.845.677.054)	28.075.523.167	13.387.339.428
23	Trong đó lãi vay	23		6.136.512.887	6.080.301.325	24.867.187.413	24.616.311.916
24	Chi phí bán hàng	24	5.20	3.098.183.229	1.340.192.018	10.615.734.373	6.680.686.525
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	5.964.602.130	7.058.267.677	25.983.987.125	25.322.679.747
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.191.021.809	21.338.846.811	33.951.422.603	23.980.442.148
31	Thu nhập khác	31		56.250		23.905.488	137.516.286
32	Chi phí khác	32					
40	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		56.250		23.905.488	137.516.286
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15.191.078.059	21.338.846.811	33.975.328.091	24.117.958.434
15	Chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành	15					
16	Chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại	16					
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		15.191.078.059	21.338.846.811	33.975.328.091	24.117.958.434

Người lập

Lại Văn Tú

Kế toán trưởng

Lại Văn Tú

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Phó Tổng Giám đốc

Alpha Petrol

Sakamoto Shinichiro



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01 đến 31/12/2025	Từ 01/01 đến 31/12/2024
		(VND)	(VND)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	1	33.975.328.091	24.117.958.434
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	5.485.675.100	5.788.345.825
- Hoàn nhập dự phòng	3	(13.490.371.656)	(17.092.331.239)
- (Lãi) Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện	4	11.966.376.357	3.483.760.000
- (Lãi) Lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(15.097.214.098)	(13.540.057.954)
- Chi phí lãi vay	6	24.867.187.413	24.616.311.916
<i>Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	8	47.706.981.207	27.373.986.982
- Biến động các khoản phải thu	9	46.557.646.717	302.631.693.942
- Biến động hàng tồn kho	10	29.259.368.048	21.761.414.747
- Biến động các khoản phải trả	11	18.000.396.365	(338.154.464.336)
- Biến động chi phí trả trước	12	12.426.130.707	17.921.515.484
- Tiền lãi vay đã trả	14	(25.825.397.009)	(19.462.208.175)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	0	(4.454.509.702)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	128.125.126.035	7.617.428.942
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(45.000.000)	(5.047.378.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(64.800.000.000)	(72.617.150.685)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	89.123.500.000	166.318.650.685
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.219.683.500)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	19.500.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.375.621.875	11.230.469.478
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	38.934.438.375	99.884.591.478
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.363.096.916.079	2.219.299.170.556
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.600.222.584.442)	(2.369.502.658.602)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(237.125.668.363)	(150.203.488.046)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	(70.066.103.953)	(42.701.467.626)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	99.418.961.136	142.119.853.420
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	29.352.857.183	99.418.385.794

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Người lập



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Phó Tổng Giám đốc



Sakamoto Shinichiro

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 14/8/2025 về việc thay đổi thông tin địa chỉ của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 21 ngày 16/5/2024 là 373.399.290.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP. Tại ngày Báo cáo này, cổ phiếu ASP thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo các Quyết định số 178/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024 và Quyết định số 179/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 14 người (tại ngày 31/12/2024 là 11 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

1.3. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Các Công ty con trực tiếp:

- Tên công ty	:	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình
- Địa chỉ	:	Khu phố 4, Lã Xuân Oai, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ	:	100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ	:	100%
- Tên công ty	:	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha
- Địa chỉ	:	Lô CN 03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp Xã Phù Đổng, Thành phố Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ	:	98,57%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ	:	98,57%
- Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần TM DV Minh Thảo
- Địa chỉ	:	Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, P.Tân Mỹ, Tp HCM
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	97,99%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	97,99%
- Tên Công ty	:	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang
- Địa chỉ	:	Số 34 A, đường Nguyễn Khoái, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	51,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	51,00%

Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)

- Tên Công ty	:	Công ty CP Thương mại Gas Bình Minh
- Địa chỉ	:	Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, P.Tân Mỹ, Tp HCM
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	99,99%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	99,99%
- Tên Công ty	:	Công ty TNHH MTV Minh Gia
- Địa chỉ	:	Ô 19, Lô B6, KDC Thuận Giao, ấp Bình Thuận 2 Phường Thuận Giao, Tp HCM
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	97,99%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	97,99%

Danh sách các Công ty liên kết:

- Tên Công ty	:	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina
- Địa chỉ	:	826 An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	35%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	35%
- Tên Công ty	:	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát
- Địa chỉ	:	Khối 2, P. Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	49,00%
- Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh thương mại Thành Đạt
- Địa chỉ	:	Số 26, ngõ 29, phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Tp. Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	49,00%
- Tên Công ty	:	Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lỏng Be Ta Gas
- Địa chỉ	:	Số 01, KP 2, Xã Lộ Hà Nội, P. Long Bình, Tỉnh Đồng Nai,
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	49,00%
- Tên Công ty	:	Công ty TNHH LPG Tiến Phát
- Địa chỉ	:	Ấp 3, Xã Bình Đức, Tỉnh Tây Ninh
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	49,00%
- Tên Công ty	:	Công Ty CP Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh
- Địa chỉ	:	Số 148/1A Đường Tân An, Khu phố Đông An, P. Tân Đông Hiệp, Tp HCM
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	35,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	35,00%
- Tên Công ty	:	Công Ty Cổ Phần LPG Biển Đông
- Địa chỉ	:	39 Đường số 2, Khu phố 7, Phường Thủ Đức, TP. HCM
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	20,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	20,00%
- Tên Công ty	:	Công ty Cổ Phần Dầu Khí Sài Gòn - Hà Nội
- Địa chỉ	:	Tầng 3, Khu DV sân bay Gia Lâm, Đ.Đàm Quang Trung, P.Long Biên, TP.Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	33,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	33,00%
- Tên công ty	:	Công ty Cổ Phần MT Gas
- Địa chỉ	:	5/1 Quốc lộ 1A, Ấp Bến Lức 6, Xã Bến Lức, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ	:	40.73%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ	:	40.73%

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của chính Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 30/6/2024.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại ngày 30/6/2024.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền



Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.



Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Số năm

Thiết bị, dụng cụ quản lý

03

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo lãnh phát hành

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (L/C) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.

Tiền thuê tài sản trả trước



Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động (bao gồm văn phòng Công ty, kho bãi sử dụng cho việc bán hàng, kinh doanh) mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí vỏ bình gas

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các sản phẩm liên quan đến nhà bếp), doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

• **Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

• **Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

• **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

• **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.
- Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- **Các bên liên quan**
 - Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.
 - Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.
- **Báo cáo bộ phận**
 - Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	346.589.509	408.651.029
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.006.267.674	39.010.310.107
Các khoản tương đương tiền	-	60.000.000.000
Tổng cộng	29.352.857.183	99.418.961.136

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị sổ sách	Giá gốc	Giá trị sổ sách
Ngắn hạn	2.200.000.000	2.200.000.000	200.000.000	200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	2.200.000.000	2.200.000.000	200.000.000	200.000.000
	-	-		
Tổng cộng	2.200.000.000	2.200.000.000	200.000.000	200.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trình bày khoản tiền gửi có kỳ hạn vào các ngân hàng thương mại

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2025		01/01/2025
	VND		VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	355.883.040.123		389.815.117.808
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	116.962.688.829		137.657.597.002
Công ty Cổ Phần MT Gas	9.407.769.807		2.937.402.086
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha			63.549.971.953
Công Ty Cổ Phần Dầu Khí Delta Việt Nam	11.458.903.575		19.463.817.898
Công ty Cổ Phần Dầu Khí Sài Gòn - Hà Nội	4.513.430.305		8.401.831.451
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại An Toàn	1.617.280.909		7.528.303.493
Công Ty Cổ Phần LPG Biển Đông			33.956.979.087
Công ty Cổ Phần Năng Lượng An Phú	27.588.878.729		22.916.343.615
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Tân Đại Phát	29.438.598.598		30.017.648.777
Công Ty TNHH Hải Linh	15.664.336.865		9.111.152.900
Công ty CP Kinh doanh LPG Việt Nam	52.194.697.920		
Công ty TNHH Sopot Gas One	1.731.615.173		9.886.585.534
Đối tượng khác	85.304.839.413		44.387.484.012
b) Phải thu khách hàng dài hạn	90.000.000.000		
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	90.000.000.000		
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	130.883.888.941		212.546.802.492
Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình	116.962.688.829	#	137.657.597.002
Công ty Cổ Phần MT Gas	9.407.769.807		2.937.402.086
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	-		63.549.971.953
Công ty Cổ Phần Dầu Khí Sài Gòn - Hà Nội	4.513.430.305		8.401.831.451
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Tân Đại Phát	29.438.598.598		30.017.648.777
Công ty TNHH Sopot Gas One	1.731.615.173		9.886.585.534

5.4 Phải thu cho vay

	31/12/2025		01/01/2025
	VND		VND
Cty CP TM Gas Bình Minh [1]	-		13.648.500.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát [2]	-		475.000.000
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina [3]	2.800.000.000		15.000.000.000
Tổng cộng	2.800.000.000		29.123.500.000
b) Phải thu cho vay dài hạn			
Nguyễn Hữu Minh Hải [4]	4.000.000.000		4.000.000.000
Công ty CP SX TM và KD Thành Đạt [5]	5.520.000.000		5.520.000.000
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang [6]	4.600.000.000		4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát [7]	14.217.320.000		8.217.320.000
Công ty TNHH Khí Dầu Mô Hóa Lòng Be Ta Gas [8]	1.450.000.000		1.450.000.000
Tổng cộng	29.787.320.000		23.787.320.000

[1] Khoản cho Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh vay theo Hợp đồng số 2602/2021/HĐCV/ASP-BM ngày 26/02/2021, lãi suất tiền vay là 3,4%/năm, được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Thời hạn vay: được gia hạn theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn ngày 26/02/2023, kéo dài đến hết ngày 25/05/202.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

[2] Khoản cho Công ty TNHH LPG Tiến Phát vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0104/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 01/4/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng cho kỳ đầu từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021, lãi suất các kỳ sau được điều chỉnh ngày 1 tháng 1 hàng năm dương lịch.

[4] Khoản cho Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giảng vay theo Hợp đồng số 0204/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 30/6/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021. Thời hạn vay từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 30/6/2024. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại ấp 3, Xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An do ông Nguyễn Hữu Minh Hải sở hữu và đứng tên.

[5] Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

[6] Khoản cho Công ty TNHH Vinh Quang vay theo Hợp đồng số 01 VAY-ASP/VQ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

[7] Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

[8] Khoản cho Công ty TNHH Khí Dầu Mô Hóa Lông Be Ta Gas vay theo Hợp đồng số 0301/2023/HĐVV/ASP-BETA ngày 03/01/2024, số tiền vay là 1.450.000.000 VND. Lãi suất cho vay là 7,5%/năm. Khoản cho vay được bảo đảm bằng tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH Khí Dầu mô Hóa Lông Be Ta Gas.

5.5 Các khoản phải thu khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Phải thu ngắn hạn		
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	631.245.881	574.859.190
- Tạm ứng cho người lao động	595.671.964	613.247.165
- Saisan Co., Ltd. - Phải thu thuế TNCN nộp hộ [1]	2.591.619.929	889.195.480
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn, trong đó:	4.087.267.000	121.027.000
+ Thuê mặt bằng, thuê nhà	4.087.267.000	121.027.000
+ Các khoản ký quỹ, ký cược khác	-	-
- Phải thu ông Lại Văn Tú [2]	400.000.000	400.000.000
- Các khoản khác	-	-
+ Khác		
Cộng	8.305.804.774	2.598.328.835
b) Phải thu dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ	2.887.906.000	2.892.906.000
- Ông Trần Quốc Bửu [3]		185.000.001
- Ông Ngô Mạnh Hùng [4]	-	6.000.000.000
Cộng	2.887.906.000	9.077.906.001
Tổng cộng	11.193.710.774	11.676.234.836

[1] Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

[2] Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.

[3] Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25/12/2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.

[4] Công ty ủy quyền cho Ông Ngô Mạnh Hùng đại diện đầu tư vào dự án xây dựng kho chứa LPG tại Khu công nghiệp VSIP Nghệ An theo Hợp đồng Ủy thác đầu tư ngày 18/12/2023. Thời gian ủy thác là 2 năm, kể từ ngày 21/12/2023 đến ngày 21/12/2025.

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi tiết chi phí trả trước		
Ngắn hạn		
- Chi phí bảo lãnh mua LPG	234.161.163	309.995.157
- Chi phí thuê mặt bằng	280.637.091	280.023.704
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng ngắn hạn		142.860.001
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	358.991.025	212.260.416
Cộng	873.789.279	945.139.278
Dài hạn		
Mua vỏ chai LPG	61.038.001.212	71.535.268.571
Chi phí tiền thuê mặt bằng	1.516.000.000	3.335.200.000
Chi phí khác		38.313.349
Cộng	62.554.001.212	74.908.781.920

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2025		2.508.895.818	2.473.923.091
Tăng trong kỳ	-	-	-
Mua	-	-	-
Tặng khác	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	-	2.508.895.818	2.508.895.818
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2025		2.492.161.563	804.631.497
Tăng trong kỳ		11.657.580	11.657.580
Khấu hao trong kỳ		11.657.580	11.657.580
Giảm trong kỳ	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	-	2.503.819.143	2.503.819.143
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2025	-	16.734.255	16.734.255
Số dư tại 31/12/2025	-	5.076.675	5.076.675

5.8 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2025		27.363.837.578	27.363.837.578
Tăng trong kỳ	-	45.000.000	45.000.000
Mua	-	45.000.000	45.000.000
Tặng khác	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	-	27.408.837.578	27.408.837.578
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2025		10.671.635.652	2.285.609.996
Tăng trong kỳ		5.474.017.520	5.474.017.520
Khấu hao trong kỳ		5.474.017.520	5.474.017.520
Giảm trong kỳ	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	-	16.145.653.172	16.145.653.172
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2025	-	16.692.201.926	16.692.201.926
Số dư tại 31/12/2025	-	11.263.184.406	11.263.184.406

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025				
	Tỷ lệ Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con			615.724.701.227	540.023.167.308	(75.701.533.919)	634.124.701.227	544.895.690.594	(89.229.010.633)
Cty CP Dầu khí An Pha	98,57%	98,57%	142.307.241.235	142.307.241.235	(1.413.241.865)	142.307.241.235	142.307.241.235	(1.413.241.865)
Cty TNHH MTV Khí đốt Gia Định	100,00%	100,00%	443.340.459.992	388.650.167.938	(54.690.292.054)	443.340.459.992	375.122.691.224	(68.217.768.768)
Cty CP Đức Hải	80,00%	80,00%	-	-	-	18.400.000.000	18.400.000.000	-
Cty CP TM DV Minh Thảo	97,99%	97,99%	28.249.000.000	8.651.000.000	(19.598.000.000)	28.249.000.000	8.651.000.000	(19.598.000.000)
Cty TNHH Thương mại Vinh Quang	51,00%	51,00%	1.828.000.000	414.758.135	(1.413.241.865)	1.828.000.000	414.758.135	(1.413.241.865)
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			136.603.113.905	88.859.548.513	(12.044.190.612)	147.639.930.405	147.639.930.405	(12.390.673.803)
Cty TNHH bình khí đốt Hong Vina	35,00%	35,00%	18.945.079.125	18.945.079.125	-	10.725.395.625	10.725.395.625	-
Cty CP SX TM và KD Thành Đạt	49,00%	49,00%	1.470.000.000	-	(1.470.000.000)	1.470.000.000	1.470.000.000	(1.470.000.000)
Cty TNHH ĐT và PT Tân Đại Phát	49,00%	49,00%	2.385.320.000	-	(2.385.320.000)	2.385.320.000	2.385.320.000	(2.385.320.000)
Công ty TNHH Beta Gas	49,00%	49,00%	7.513.340.000	2.613.340.000	(4.900.000.000)	7.513.340.000	7.513.340.000	(4.900.000.000)
Cty TNHH Tiên Phát	49,00%	49,00%	2.940.000.000	1.290.516.538	(1.649.483.462)	2.940.000.000	2.940.000.000	(1.649.483.462)
Cty CP Khí Hóa Long Hoàng Anh	35,00%	35,00%	13.650.000.000	13.650.000.000	-	13.650.000.000	13.650.000.000	-
CTy CP LPG Biển Đông	20,00%	20,00%	34.000.000.000	34.000.000.000	-	34.000.000.000	34.000.000.000	-
Công ty CP Dầu Khí Sài Gòn - Hà Nội	33,00%	33,00%	20.000.000.000	18.360.612.850	(1.639.387.150)	20.000.000.000	20.000.000.000	(1.639.387.150)
Cty CP MT Gas	40,73%	40,73%	35.699.374.780	-	-	35.699.374.780	35.699.374.780	-
Công ty CP TM Năng Lượng Miền Trung	40,54%	40,54%	-	-	-	19.256.500.000	19.256.500.000	(346.483.191)
Tổng cộng			752.327.815.132	628.882.715.821	(87.745.724.531)	781.764.631.632	692.535.620.999	(101.619.684.436)



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Nợ ngắn hạn	437.559.276.956	437.559.276.956	405.729.143.420	405.729.143.420
Công ty CP Kinh Doanh Sản Phẩm Khí	155.197.034.007	155.197.034.007	291.565.147.848	291.565.147.848
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	111.885.367.205	111.885.367.205	-	-
CÔNG TY CP VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ (GAS SHIPPING)	-	-	14.755.520.120	14.755.520.120
CÔNG TY TNHH KHÍ HOÁ LỎNG THẮNG LONG	-	-	17.594.856.614	17.594.856.614
EI Corporation	-	-	7.464.824.000	7.464.824.000
Công ty CP TMDV Đức Minh Bình Phước	-	-	14.819.145.885	14.819.145.885
CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT HYOSUNG VINA	161.881.654.008	161.881.654.008	55.289.415.005	55.289.415.005
Đối tượng khác	8.595.221.736	8.595.221.736	4.240.233.948	4.240.233.948
b) Nợ dài hạn				
Tổng cộng	437.559.276.956	437.559.276.956	405.729.143.420	405.729.143.420

5.11 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Tại ngày 01/01/2025	Phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 31/12/2025
Phải nộp	949.194.075	77.067.043.725	77.402.151.347	614.086.453
Thuế GTGT	-	6.952.480.401	6.380.936.877	571.543.524
Thuế GTGT nhập khẩu	761.412.048	55.595.827.929	56.357.239.977	-
Thuế xuất nhập khẩu	149.296.480	13.631.246.108	13.780.542.588	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập các nhân	38.485.547	602.266.375	598.208.993	42.542.929
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	285.222.912	285.222.912	-
Phải thu	4.454.509.702	282.721.109	285.245.490	4.457.034.083
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.454.509.702	-	-	4.454.509.702
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	282.721.109	285.245.490	2.524.381

5.12 Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	61.812.548	977.906.064
Lãi vay phải trả	61.812.548	977.906.064
Chi phí khác	-	-
b) Dài hạn	-	-
Tổng cộng	61.812.548	977.906.064

5.13 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	1.331.957.234	16.245.403.721
Kinh phí công đoàn	6.585.636	3.549.021
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	885.420.764	885.420.764
Các khoản phải trả, phải nộp khác	390.737.745	15.352.871.001
Tạm ứng	49.213.089	3.562.935
b) Dài hạn	-	-
Tổng cộng	1.331.957.234	16.245.403.721



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
 Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 31/12/2025		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	344.262.372.982	344.262.372.982	1.363.038.336.079	1.558.467.054.442	539.691.091.345	539.691.091.345
Bangkok Bank - HCM [1]	73.351.389.749	73.351.389.749	264.539.820.520	474.915.563.765	283.727.132.994	283.727.132.994
NH Mizuho_CN Hồ Chí Minh [2]	211.437.688.892	211.437.688.892	880.572.960.462	864.065.783.873	194.930.512.303	194.930.512.303
NH MUFG Bank_HCM [3]	59.473.294.341	59.473.294.341	217.925.555.097	219.485.706.804	61.033.446.048	61.033.446.048
b) Vay dài hạn	7.649.330.000	7.649.330.000	1.180.960.000	42.334.040.000	48.802.410.000	48.802.410.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank [4]	7.649.330.000	7.649.330.000	1.097.960.000	37.140.840.000	43.692.210.000	43.692.210.000
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia [5]	-	-	83.000.000	5.193.200.000	5.110.200.000	5.110.200.000
Tổng cộng	351.911.702.982	351.911.702.982	1.364.219.296.079	1.600.801.094.442	588.493.501.345	588.493.501.345

[1] Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 03 ngày 31/12/2021:

Hạn mức tín dụng : 15.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;
 Thời hạn của các khoản vay : Không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn

Mục đích sử dụng vốn : Tài trợ nhu cầu vốn lưu động của bên vay
 Thời hạn rút vốn : Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Lãi suất phạt đối với nợ : Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.
Biện pháp bảo đảm : Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng.

[2] Hợp Đồng tín dụng tuần hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 10/5/2019, bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ 2 này 01/3/2021

Hạn mức tín dụng : Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 24.000.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh. Trong đó, tổng dư nợ các khoản vay không vượt quá 15.500.000 USD vào mọi thời điểm.
Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn
Mục đích sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động
Lãi suất: : Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
Ngày hết hạn giải ngân : Ngày 28/02/2022. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ của Hợp đồng ban đầu được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
Biện pháp bảo lãnh : Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.

[3] Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/029/24 ngày 15/3/2024 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

Hạn mức tín dụng : Tổng số tiền của Hạn Mức tín dụng sẽ không vượt quá 20.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn
Mục đích sử dụng vốn : Tài trợ vốn lưu động chung, tài trợ thương mại, và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác
Lãi suất: : 0,5%/năm trên chi phí vốn của Ngân hàng
Thời hạn rút vốn : Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2024 đến ngày 15/3/2025, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng thông báo khác đi tới Công ty.
Biện pháp bảo đảm : khoản vay không có tài sản đảm bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

[4] Vay Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 06/3/2020:

Số tiền cho vay : 8.400.000 USD
Ngày giải ngân : 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025.
Ngày hoàn trả đầu tiên : 30/9/2020. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên
Mục đích vay : tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan
Lãi suất vay : 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 20/01/2021:

Số tiền cho vay : 2.900.000 USD
Ngày giải ngân : 26/02/2021. Ngày hoàn trả cuối cùng: 26/02/2026
Ngày hoàn trả đầu tiên : 31/8/2021. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên, mỗi lần 290.000 USD
Mục đích vay : tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan
Lãi suất vay : 2,38%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần
Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

[5] Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (Singapore) ngày 06/3/2020:

Số tiền cho vay : 2.000.000 USD, các khoản vay được thực hiện bằng USD (Đô la Mỹ);
Ngày giải ngân : 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025.
Mục đích vay : Cho vay tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan
Lãi suất vay : 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
Phương thức trả nợ : Khoản vay được trả góp định kỳ 10 lần nửa năm, mỗi lần 200.000 USD với khoản trả góp đầu tiên thanh toán vào ngày 30/9/2020. Những kỳ trả nợ sau sẽ rơi vào mỗi ngày tương ứng với ngày trả nợ đầu tiên mỗi Sáu (06) tháng tiếp theo, và số tiền dư phải được hoàn trả đầy đủ vào ngày hoàn trả cuối cùng.
Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 1/1/2024	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	-	306.228.116	38.100.064.410	413.235.362.626
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	25.637.504.507	25.637.504.507
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	25.637.504.507	25.637.504.507
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	-	306.228.116	63.737.568.917	438.872.867.133
Số dư tại 1/1/2025	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	-	306.228.116	63.737.568.917	438.872.867.133
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	33.975.328.091	33.975.328.091
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	33.975.328.091	33.975.328.091
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	-	306.228.116	97.712.897.008	472.848.195.224

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025		Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu				
Saisan Co., Ltd.	17.998.426	48,20%	17.998.426	48,20%	179.984.260.000	17.998.426	48,20%	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	2.188.100	5,86%	2.188.100	5,86%	21.881.000.000	2.188.100	5,86%	21.881.000.000
Các cổ đông khác	17.153.403	45,94%	17.153.403	45,94%	171.534.030.000	17.153.403	45,94%	171.534.030.000
Tổng	37.339.929	100,00%	37.339.929	100,00%	373.399.290.000	37.339.929	100,00%	373.399.290.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**c. Cổ phiếu**

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	387	387
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542

d. Các quỹ của Công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.228.116	306.228.116
Tổng cộng	306.228.116	306.228.116

5.17 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4/2025	Quý 4/2024
	VND	VND
Doanh thu bán LPG	528.793.786.015	530.700.803.839
Doanh thu bán linh, phụ kiện	2.391.247.788	8.218.126.520
Doanh thu vận tải thuê	269.066.152	673.704.271
Doanh thu cho thuê vỏ bình	3.716.478.450	3.476.478.450
Doanh thu cho thuê mặt bằng, kho bãi	1.498.690.908	3.162.952.646
Doanh thu khác	964.504.324	2.139.263.506

5.18 Giá vốn hàng bán**Giá vốn hàng bán**

	Quý 4/2025	Quý 4/2024
	VND	VND
Giá vốn bán LPG	514.538.309.000	514.092.882.604
Giá vốn bán linh, phụ kiện	2.031.957.448	7.659.254.520
Giá vốn cho thuê vỏ chai LPG	3.507.575.740	3.478.851.873
Giá vốn cho thuê tài sản	1.498.690.912	3.282.952.650

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4/2025	Quý 4/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	580.779.434	952.724.602
Cổ tức, lợi nhuận được chia	800.000.000	1.200.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	20.110.800	
Doanh thu tài chính khác		28.754
Tổng cộng	1.400.890.234	2.152.753.356

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 Chi phí tài chính

	Quý 4/2025 VND	Quý 4/2024 VND
Chi phí lãi vay	6.136.512.887	6.080.301.325
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.000	1.859.410
Lỗi chênh lệch do đánh giá lại TK có gốc ngoại tệ		1.596.760.000
Dự phòng tổn thất ĐTTTC dài hạn	(13.873.959.905)	(17.524.597.789)
Tổng cộng	(7.737.405.018)	(9.845.677.054)

5.21 Chi phí bán hàng.

	Quý 4/2025 VND	Quý 4/2024 VND
Chi phí thuê kho hàng, nhập hàng	2.519.267.792	187.935.530
Chi phí thủ tục nhập, xuất, giám định hàng	39.045.455	145.636.368
Chi phí bảo lãnh mua hàng	539.869.982	1.006.620.120
Chi phí khác		
Tổng cộng	3.098.183.229	1.340.192.018

5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4/2025 VND	Quý 4/2024 VND
Chi phí nhân viên Công ty	1.547.070.113	1.374.607.531
CP công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	28.821.448	58.600.616
Chi phí KHTSCĐ quản lý	1.372.356.275	1.375.194.656
Trích lập/hoàn nhập dự phòng tổn thất tài sản	383.588.249	432.266.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.658.591.360	2.402.426.625
Chi phí quản lý khác	974.174.685	1.415.171.699

5.23 Thu nhập khác/ chi phí khác

	Quý 4/2025 VND	Quý 4/2024 VND
a) Thu nhập khác		
Thanh lý công cụ dụng cụ		
Các khoản khác	56.250	
Tổng cộng	56.250	-
b) Chi phí khác	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý 4/2025 VND	Quý 4/2024 VND
Chi phí thuế thu nhập năm nay	-	-
Chi phí thuế thu nhập năm trước	-	-
Tổng cộng	-	-

6. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Người lập

Lại Văn Tú

Kế toán trưởng

Lại Văn Tú



Phó Tổng Giám đốc

Sakamoto Shinichiro

